

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Công ty

Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) là Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, được thành lập theo Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở tổ chức lại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Đầu tư Tài chính kể từ ngày 13 tháng 04 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300535140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/04/2010, thay đổi lần 4 ngày 11 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại số 33-39 Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong năm tài chính và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Văn Non	Chủ tịch	
Ông Diệp Dũng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 04/09/2015)
Ông Phạm Phú Quốc	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 04/09/2015)
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Diệp Dũng	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 04/09/2015)
Ông Phạm Phú Quốc	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 04/09/2015)
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Hoài Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Quang Lãm	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Ngọc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Hải Yến	Kiểm soát viên phụ trách chung
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Kiểm soát
Bà Phạm Thị Minh Ngọc	Kiểm soát

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2016



TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Phạm Phú Quốc

Số: 1915/2016/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 30 tháng 06 năm 2016, từ trang 7 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn chưa thực hiện đối chiếu, xác nhận đầy đủ các khoản công nợ phải thu, phải trả với tổng số tiền lần lượt là 277,22 tỷ đồng và 130,5 tỷ đồng. Với những tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và chính xác của các khoản công nợ chưa được xác nhận này;

- Tại thời điểm 31/12/2015, quỹ lương năm 2015 của 4 công ty con gồm: Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà TP Hồ Chí Minh chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, chi phí tiền lương được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 có thể bị thay đổi khi các Công ty này được phê duyệt quỹ lương;
- Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm số liệu của công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà TP Hồ Chí Minh đã được điều chỉnh hồi tố. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thể khẳng định được sự phù hợp của các bút toán này và ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty;
- Trong năm 2015, Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà TP Hồ Chí Minh đã nộp tiền thuê đất với số tiền là 100,79 tỷ đồng theo thông báo nộp tiền thuê đất tạm tính năm 2015 của Cơ quan thuế. Giá trị tiền thuê đất này có thể thay đổi khi Cơ quan thuế xác định giá đất chính thức. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số liệu này hay không;
- Trong năm 2014 và 2015, doanh thu tại các Xí nghiệp của Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận trên cơ sở thực thu, đồng thời giá vốn được ước tính theo tỷ lệ doanh thu. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty;
- Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà Thành phố Hồ Chí Minh đang theo dõi bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà cửa và máy móc thiết bị mà chưa có sự tách biệt theo từng loại tài sản cố định riêng biệt. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty;
- Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà Thành phố Hồ Chí Minh đang ghi nhận bất động sản đầu tư là toàn bộ tài sản hình thành từ việc góp vốn liên doanh xây dựng 02 công trình Cao ốc văn phòng 91 Pasteur và 25 bis Nguyễn Thị Minh Khai với giá trị công trình lần lượt là 241,85 tỷ đồng và 502,54 tỷ đồng mà không ghi nhận theo giá trị tài sản thuộc sở hữu của đơn vị tương ứng với tỷ lệ góp vốn của hợp đồng hợp tác kinh doanh (Chi tiết Thuyết minh số 17). Đồng thời, vốn góp nhận từ các bên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đang ghi nhận vào khoản phải trả dài hạn khác. Điều này dẫn đến chỉ tiêu Bất động sản đầu tư và Phải trả dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đang phản ánh tăng lên số tiền tương ứng;
- Năm 2013, Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện hạch toán tạm tăng tài sản cố định đối với Công trình Cao ốc văn phòng HMTTC tại 138 - 142 Hai Bà Trưng với tổng giá trị tạm tăng là 527,78 tỷ đồng. Mục đích xây dựng công trình này để làm văn phòng cho thuê, do đó việc Công ty đang ghi nhận vào tài sản cố định mà không theo dõi là bất động sản đầu tư là không phù hợp với quy định hiện hành;
- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn chưa thực hiện tổng hợp báo cáo tài chính của các Xí nghiệp với báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty mà chỉ thực hiện theo dõi các Xí nghiệp thông qua các tài khoản tạm ứng, phải thu khác và phải trả khác. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất chưa phản ánh toàn bộ tài sản, công nợ của toàn Công ty con này;
- Chúng tôi không thu thập được các tài liệu về tổng tài sản và nợ phải trả Công ty CP May Cholimex (Công ty con đầu tư gián tiếp) với số tiền lần lượt là 9,74 tỷ đồng và 23,92 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của số liệu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty;
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, Công ty đang hợp nhất các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà TP Hồ Chí Minh theo giá gốc mà chưa thực hiện hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty;

- Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty đang hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc mà chưa thực hiện hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Trong năm 2015, 17 trong số 21 công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 thay vì điều chỉnh hồi tố vào số liệu so sánh.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Theo trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh đang thực hiện đầu tư tài chính dài hạn ra bên ngoài đối với các ngành nghề không liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số. Điều này là chưa phù hợp với quy định tại Điều 6, Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số;
- Trong năm 2015, Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh đã được phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện điều chỉnh các thay đổi về tài sản, công nợ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015;
- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được điều chỉnh hồi tố theo Quyết định về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Biên bản Kiểm toán nhà nước, Biên bản kiểm tra của Chi cục Tài chính doanh nghiệp và Biên bản kiểm tra tài chính của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh tại các công ty con (Chi tiết tại Thuyết minh số 38).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Dũng
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 số: 0285-2013-002-1

Kiểm toán viên



Hà Văn Xuyên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 số: 3383-2015-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
100 A. Tài sản ngắn hạn		7.233.535.917.857	6.325.104.593.951
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.492.762.469.438	4.825.830.965.032
111 1. Tiền		1.705.622.045.075	1.990.835.623.858
112 2. Các khoản tương đương tiền		3.787.140.424.363	2.834.995.341.174
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	143.500.000.000	2.000.000.000
121 1. Đầu tư ngắn hạn		143.500.000.000	2.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.212.102.612.111	1.184.983.519.285
131 1. Phải thu khách hàng		1.031.698.449.376	1.020.690.089.676
132 2. Trả trước cho người bán		30.851.484.398	48.678.879.128
134 4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ của Công ty	5	42.207.237.475	34.170.045.085
138 6. Các khoản phải thu khác	6	147.528.372.571	115.429.720.756
139 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(40.182.931.709)	(33.985.215.360)
140 IV. Hàng tồn kho	8	267.655.543.541	172.795.589.510
141 1. Hàng tồn kho		275.259.823.781	172.795.589.510
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.604.280.240)	-
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		117.515.292.767	139.494.520.124
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		14.590.040.882	2.021.162.911
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.099.821.312	190.958.091
154 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	17.913.742.771	8.386.129.011
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	10	83.911.687.802	128.896.270.111
200 B. Tài sản dài hạn		10.398.379.679.315	8.449.196.277.642
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		3.459.552.166.163	3.503.466.379.009
211 1. Phải thu dài hạn của khách hàng và hoạt động nghiệp vụ của Công ty	11	40.769.888.211	37.769.683.596
215 5. Phải thu cho vay đầu tư bằng vốn hoạt động	12	3.500.857.380.123	3.546.203.604.339
217 7. Phải thu dài hạn khác		8.817.747.450	-
218 8. Dự phòng rủi ro cho vay	13	(90.797.367.950)	(80.506.908.926)
219 9. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(95.481.671)	-
220 II. Tài sản cố định		1.864.958.892.217	1.515.463.111.449
221 1. Tài sản cố định hữu hình	14	1.410.473.978.705	905.256.645.408
222 - Nguyên giá		2.046.231.722.824	1.272.994.701.601
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(635.757.744.119)	(367.738.056.193)
227 3. Tài sản cố định vô hình	15	248.978.784.781	62.199.564.798
228 - Nguyên giá		255.783.989.992	67.330.776.173
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(6.805.205.211)	(5.131.211.375)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	205.506.128.731	548.006.901.243
240 III. Bất động sản đầu tư	17	1.761.819.609.930	947.016.484.516
241 - Nguyên giá		2.307.110.995.778	1.204.997.356.733
242 - Giá trị hao mòn lũy kế		(545.291.385.848)	(257.980.872.217)



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Tiếp theo)

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	18	3.052.432.898.570	2.365.461.526.405
251 1. Đầu tư vào công ty con		-	32.583.000.000
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2.053.498.498.769	1.464.281.977.746
258 3. Đầu tư dài hạn khác		1.149.658.562.770	1.024.033.537.286
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(150.724.162.969)	(155.436.988.627)
260 V. Tài sản dài hạn khác		259.616.112.435	117.788.776.263
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	19	237.899.604.887	100.615.356.514
263 3. Đầu tư xây dựng dự án công trình		6.241.569.203	6.191.852.503
268 4. Tài sản dài hạn khác		15.474.938.345	10.981.567.246
270 Tổng cộng tài sản		17.631.915.597.172	14.774.300.871.593

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	A. Nợ phải trả		7.989.326.304.320	7.549.349.224.900
310	I. Nợ ngắn hạn		3.146.745.268.867	2.940.508.585.979
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		54.725.547.384	26.291.780.226
312	2. Phải trả người bán		149.370.395.915	121.384.772.482
313	3. Người mua trả tiền trước		831.070.924.028	173.342.662.516
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	1.000.994.159.339	1.608.640.731.890
315	5. Phải trả người lao động		133.925.966.309	176.967.811.896
316	6. Chi phí phải trả	21	7.828.208.376	4.296.906.094
318	8. Phải trả lãi vốn huy động	22	26.048.028.542	26.084.797.123
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	790.535.914.602	616.455.272.313
328	13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		152.246.124.372	187.043.851.439
330	II. Nợ dài hạn		4.842.581.035.453	4.608.840.638.921
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	1.496.776.763
333	3. Phải trả dài hạn khác	24	464.226.167.673	256.494.402.028
334	4. Vay và nợ dài hạn	25	3.467.102.648.471	3.549.127.884.435
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		6.474.098.687	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn	26	258.298.967.500	258.298.967.500
341	9. Vốn nhận ủy thác cho vay đầu tư	27	572.645.601.270	483.442.600.822
342	- Vốn ủy thác cho vay đầu tư phải trả		3.118.914.768.408	2.831.552.942.965
343	- Phải thu về cho vay từ vốn nhận ủy thác		(2.546.269.167.138)	(2.348.110.342.143)
344	10. Hợp vốn đầu tư cho vay		-	-
345	- Số tiền nhận hợp vốn đầu tư cho vay phải trả		-	45.811.643.761
346	- Số tiền phải thu về cho vay từ tiền nhận hợp vốn		-	(45.811.643.761)
350	12. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		73.833.551.852	59.980.007.373
400	B. Vốn chủ sở hữu		9.642.589.292.852	7.224.951.646.693
410	I. Vốn chủ sở hữu		9.444.579.590.871	7.010.533.152.731
411	1. Vốn Ngân sách Nhà nước cấp		7.298.270.041.897	5.983.605.541.897
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.118.526.441.734	197.898.847.542
415	4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(114.165.700.698)	19.732.741.330
416	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		25.273.722.826	-
417	6. Quỹ đầu tư phát triển		35.781.162.679	383.249.758.251
420	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		927.778.034.696	385.487.753.507
421	9. Nguồn vốn đầu tư XDCB		40.039.221.757	40.558.510.204
422	10. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		72.224.512.207	-
429	11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		40.852.153.773	-
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		198.009.701.981	214.418.493.962
432	2. Nguồn kinh phí	28	14.252.835.500	38.245.167.190
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	29	183.756.866.481	176.173.326.772
440	Tổng cộng nguồn vốn		17.631.915.597.172	14.774.300.871.593

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
2. Vật tư nhận giữ hộ		907.561.818	5.949.841.806
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.888.307.331	-
7. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ		2.712.184,05	1.808.849,42
- Euro		778,17	79,24
- Đô la Singapore		105,00	-
- Đô la Úc		69,98	69,98
8. Tài sản nhận thế chấp		6.044.120.489.929	6.723.868.732.905
9. Lãi chưa thu cho vay vốn nhận ủy thác		392.910.826.575	280.863.903.534
10. Lãi chưa thu cho vay khác		32.231.977.682	59.050.268.832

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2016

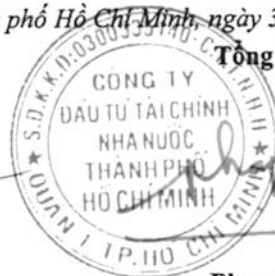
Người lập biểu

Hoàng Tiên Đạt

Kế toán trưởng

Lê Văn Bắc

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Quốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu		9.336.086.242.074	7.961.132.919.885
01.2	- Doanh thu lãi tiền cho vay		194.752.704.735	268.871.457.001
01.3	- Thu từ hoạt động đầu tư góp vốn		160.778.314.347	164.670.388.200
01.4	- Doanh thu lãi tiền gửi		205.197.673.989	167.255.546.808
01.5	- Thu phí hoạt động nhận ủy thác		12.502.731.521	13.537.095.071
01.6	- Thu phí ủy quyền phát hành trái phiếu địa phương		600.000.000	600.000.000
01.7	- Doanh thu cho thuê tài sản		2.172.013.000	6.240.795.727
01.8	- Doanh thu khác	30	8.760.082.804.482	7.339.957.637.078
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu (*)		731.157.110.614	652.953.482.608
10	3. Doanh thu thuần		8.604.929.131.460	7.308.179.437.277
11	4. Chi phí hoạt động		6.734.796.838.959	5.376.334.313.406
11.2	- Chi phí lãi tiền vay		133.973.449.608	122.311.009.667
11.3	- Chi phí hoạt động đầu tư góp vốn		128.106.606.245	32.033.214.203
11.5	- Chi phí dự phòng rủi ro cho vay		29.383.930.689	29.972.748
11.7	- Chi phí hoạt động khác	31	6.443.332.852.417	5.221.960.116.788
20	5. Lợi nhuận gộp		1.870.132.292.501	1.931.845.123.871
24	7. Chi phí bán hàng	32	30.440.029.667	1.983.883.261
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	458.494.718.009	363.684.619.681
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.381.197.544.825	1.566.176.620.929
31	10. Thu nhập khác		111.761.283.981	87.648.257.942
32	11. Chi phí khác		70.202.466.121	23.573.591.846
40	12. Lợi nhuận khác		41.558.817.860	64.074.666.096
45	13. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		101.500.509.588	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.524.256.872.273	1.630.251.287.025
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	330.171.974.940	326.059.241.019
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		1.260.366.880	160.638.158
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.192.824.530.453	1.304.031.407.848
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		1.191.510.515.475	1.304.031.407.848
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.314.014.978	-

(*): Thuế tiêu thụ đặc biệt liên quan đến hoạt động xổ số.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người lập biểu



Hoàng Tiên Đạt

Kế toán trưởng



Lê Văn Bắc

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Quốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

Theo phương pháp trực tiếp

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán các khoản đầu tư trực tiếp, cho thuê tài sản		2.389.214.300	6.837.375.300
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ		(5.008.677.406.642)	(4.431.784.590.681)
03	3. Tiền thu các khoản phí		13.102.731.521	14.137.095.071
04	4. Thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi		393.649.787.049	440.806.281.015
05	5. Tiền chi trả lãi tiền vay		(141.074.030.650)	(120.985.265.365)
06	6. Chênh lệch tiền chi và thu cho vay		48.966.400.131	450.001.911.766
07	7. Tiền thu nhận vốn ủy thác cho vay đầu tư và nhận ủy		510.757.919.279	425.712.463.796
08	8. Tiền chi cho vay từ vốn nhận ủy thác cho vay đầu tư		(361.976.247.943)	(420.547.133.195)
14	14. Tiền chi trả cho người lao động		(628.885.459.853)	(386.990.738.082)
15	15. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(367.427.498.493)	(268.250.352.377)
16	16. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.166.184.466.667	8.091.563.977.825
17	17. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.885.887.631.362)	(2.992.162.150.686)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		741.122.244.004	808.338.874.387
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(84.561.533.223)	(103.070.703.541)
22	2. Thu tiền từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác		168.052.850	1.653.425.545
23	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(88.234.434.361)	(33.724.380.000)
24	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		624.808.460.445	52.242.492.063
25	5. Tiền chi đầu tư khác		(117.000.000.000)	(2.353.319.418)
26	6. Tiền thu đầu tư khác		175.137.912.206	178.883.534.137
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		510.318.457.917	93.631.048.786
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		121.663.968	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		230.904.873.002	491.636.477.923
34	4. Tiền trả nợ vay		(376.982.673.813)	(314.390.751.753)
36	6. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(438.950.890.529)	(161.760.095.832)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(584.907.027.372)	15.485.630.338
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		666.533.674.549	917.455.553.511
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.825.830.965.032	3.907.835.156.154
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		397.829.857	540.255.367
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	5.492.762.469.438	4.825.830.965.032

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Người lập biểu



Hoàng Tiến Đạt

Kế toán trưởng



Lê Văn Bắc

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Quốc